

# Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

\*Diệp Thị Bích Quyên; \*\* Mai Thị Yến Lan

\* Học viên Cao học Trường Đại học Cần Thơ

\*\*TS. Giảng viên Trường Đại học Cần Thơ

Received: 2/6/2024; Accepted: 12/6/2024; Published: 20/6/2024

**Abstract:** The article evaluates the current state of management in the application of information technology in teaching at high schools in Sóc Trăng City, Sóc Trăng Province. Surveys from management staff and teachers indicate that managing the application of information technology in these schools faces many difficulties and lacks synchronization. Although there is a clear awareness of the importance of information technology in education, the implementation and management process still has many limitations in planning, organizing, directing, and managing the facilities for this activity.

**Keywords:** Information technology; educational management; application of IT in teaching; high school; Sóc Trăng city.

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin (CNTT) đã trở thành một công cụ thiết yếu trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, đặc biệt là trong giáo dục. Việc ứng dụng CNTT tại các trường THPT không chỉ hỗ trợ quá trình giảng dạy mà còn nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của học sinh.

Hiện nay, các trường THPT tại thành phố Sóc Trăng, đang tích cực nỗ lực đưa CNTT vào hoạt động dạy học (HDDH). Đa số các trường đã nhận thức rõ ràng mục tiêu và vai trò quan trọng của CNTT trong DH. Tuy nhiên, quá trình ứng dụng này vẫn thiếu sự đồng bộ và chưa được triển khai hiệu quả, gây ra nhiều khó khăn và thách thức trong công tác QLHD ứng dụng CNTT trong dạy học (DH) các trường THPT thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Do đó, đánh giá thực trạng QLHD ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT thành phố Sóc Trăng, là điều hết sức cấp thiết. Thông qua việc này, chúng ta có thể nhận diện rõ các hạn chế hiện tại để đưa ra những biện pháp khắc phục phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và quản lý nhà trường, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghệ số.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phiếu hỏi để thu thập thông tin từ 84 cán bộ quản lý (CBQL) (CBQL bao gồm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, TT chuyên môn, Tổ phó chuyên môn) và 236 giáo viên (GV) của 4 trường

THPT tại thành phố Sóc Trăng, gồm THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, THPT Hoàng Diệu, THPT thành phố Sóc Trăng, THPT dân tộc nội trú Huỳnh Cương, TH, THCS và THPT iSchool Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

### 2.2 Kết quả khảo sát thực trạng QLHD ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT thành phố Sóc Trăng

#### 2.2.1 Thực trạng nhận thức của CBQL và GV về sự cần thiết của việc QLHD ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT

Qua kết quả khảo sát có thể thấy các đối tượng khảo sát có sự đánh giá tương đối thống nhất về thứ hạng mức độ cần thiết QLHD ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT với ĐTB từ 3,47 đến 3,80. Cả CBQL và GV đều đánh giá “Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập: Đảm bảo GV và học sinh có đủ tài nguyên, công cụ và hỗ trợ để tận dụng tối đa tiềm năng của CNTT trong quá trình giảng dạy và học tập” (ĐTB: CBQL là 3,80; GV là 3,66) ở mức độ cần thiết cao hơn so với các mục tiêu còn lại.

Giữa CBQL và GV, ĐTB cho mỗi mục tiêu đánh giá không có sự chênh lệch lớn. Trung bình các mục tiêu đánh giá của CBQL nằm trong khoảng từ 3,55 đến 3,80, trong khi đó trung bình các mục tiêu đánh giá của GV nằm trong khoảng từ 3,47 đến 3,66. Tuy nhiên, QLHD ứng dụng CNTT trong DH cần được tăng cường và định hướng một cách chặt chẽ hơn.

#### 2.2.2 Thực trạng XDKH ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT

*Bảng 2.1: Tổng hợp đánh giá kết quả khảo sát thực trạng XDKH ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT*

TT	Nội dung	CBQL		GV		Tổng CBQL và GV	
		ĐTB	TH	ĐTB	TH	ĐTB	TH
1	XDKH mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trong DH.	3,42	2	3,37	2	3,38	2
2	XDKH ứng dụng CNTT vào dạy học cụ thể hằng năm, tháng, tuần.	3,46	1	3,41	1	3,42	1
3	XDKH huy động nguồn kinh phí phục vụ cho việc ứng dụng CNTT	3,36	3	3,33	3	3,34	3
4	XDKH KTĐG hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.	3,31	4	3,30	4	3,30	4
<i>Đánh giá chung</i>		3,39		3,35		3,36	

*(Nguồn: Khảo sát ở các trường THPT thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)*

Qua bảng 2.1 khảo sát có thể nhận thấy các trường đã có những nỗ lực nhất định trong việc lập kế hoạch các hoạt động liên quan. ĐTB chung của các nội dung đánh giá dao động từ 3,30 đến 3,42. Nội dung “XDKH ứng dụng CNTT vào DH cụ thể hằng năm, tháng, tuần” được đánh giá cao nhất cho thấy đã có sự chú trọng và nỗ lực trong việc XDKH ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT. Thứ hạng đánh giá giữa CBQL và GV tương đồng với nhau nhưng có thể nhận thấy CBQL có ĐTB đánh giá cao hơn một chút so với GV. Cụ thể, ĐTB của CBQL ở mức 3,39, trong khi ĐTB của GV là 3,35. Điều này cho thấy CBQL có thể nhìn nhận lạc quan hơn về hiệu quả và tính khả thi của các kế hoạch đã xây dựng, trong khi GV có thể đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong quá trình thực hiện thực tế.

### *2.2.3. Thực trạng tổ chức ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT*

Thông qua kết quả khảo sát có thể thấy rằng các trường THPT thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng có thực hiện công tác tổ chức ứng dụng CNTT trong dạy học với ĐTB của các tiêu chí đánh giá dao động từ 3,40 đến 3,68 cho thấy mức độ thực hiện chưa đồng đều và cần được cải thiện.

Riêng đối với việc “Tổ chức giám sát sử dụng, bảo hành các phương tiện, TBDH hỗ trợ ứng dụng CNTT” (ĐTB: CBQL là 3,45; GV là 3,38) chỉ được thực hiện ở mức tinh thoàng. Điều này cho thấy rằng công tác tổ chức giám sát chưa được quan tâm thực hiện.

Mức độ đánh giá của CBQL và GV có sự chênh

lệch nhất định. ĐTB của CBQL là 3,57, trong khi ĐTB của GV là 3,46. Điều này có thể phản ánh việc CBQL nhìn nhận các hoạt động tổ chức ứng dụng CNTT ở mức độ khả quan hơn, có thể do họ có cái nhìn tổng quát hơn về kế hoạch và tiến độ thực hiện. Trong khi đó, GV, những người trực tiếp tham gia vào quá trình giảng dạy, có thể gặp phải những khó khăn thực tế hơn trong quá trình triển khai. Tuy nhiên, cả hai nhóm đều cần nỗ lực để đạt được mức độ thực hiện cao hơn và đảm bảo sự đồng nhất trong việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

### *2.4.4 Thực trạng chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT*

Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT thành phố Sóc Trăng, đang đạt được mức độ trung bình khá với ĐTB cho cả CBQL và GV đều dao động từ 3,26 đến 3,58. ĐTB chung là 3,43 cho thấy sự quan tâm và nỗ lực của các trường trong việc triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT, tuy nhiên vẫn còn một số khía cạnh cần cải thiện.

Mức độ đánh giá của CBQL và GV có sự chênh lệch nhẹ, với ĐTB của CBQL là 3,42 và của GV là 3,43. Sự chênh lệch này không đáng kể, cho thấy cả hai nhóm đối tượng đều có nhận thức tương đối đồng nhất về chỉ đạo triển khai kế hoạch. Điều này phản ánh sự thống nhất và đồng thuận trong nhận thức giữa CBQL và GV về các hoạt động chỉ đạo ứng dụng CNTT.

Sự chênh lệch điểm đánh giá giữa các nội dung chỉ đạo có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, việc chỉ đạo soạn bài giảng (ĐTB: 3,54) và thực hiện tiết dạy có ứng dụng CNTT (ĐTB: 3,53) nhận được điểm cao hơn vì đây là các hoạt động có thể dễ dàng thấy được kết quả và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy. Thứ hai, điểm đánh giá thấp hơn cho các nội dung như bồi dưỡng kỹ năng (ĐTB: 3,40) và giám sát sử dụng thiết bị (ĐTB: 3,28) có thể do sự phức tạp và khó khăn trong việc tổ chức thực hiện, đòi hỏi nhiều nguồn lực và thời gian. Thứ ba, sự thiếu đồng bộ trong việc biên soạn đề và xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm (ĐTB: 3,28) cũng có thể là do các khó khăn về chuyên môn, phối hợp giữa các tổ chuyên môn và GV.

### *2.4.5 Thực trạng các phương pháp và hình thức QLHD ứng dụng CNTT trong DH ở các trường THPT*

Dựa trên kết quả khảo sát có thể nhận thấy rằng đa số các phương pháp và hình thức quản lý chỉ được thực hiện ở mức tinh thoàng với ĐTB dao động từ 3,32 đến 3,62. Điều này cho thấy việc ứng dụng

CNTT trong dạy học ở các trường THPT thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã đạt được một số kết quả khá khả quan.

Với nội dung “Thiết lập tiêu chuẩn và hướng dẫn rõ ràng về việc sử dụng CNTT trong dạy học” (ĐTB: CBQL là 3,35; GV là 3,31) được xếp thứ hạng thấp nhất cho thấy nội dung này chưa được nhà trường chú trọng thực hiện nhưng đây chính là một trong nội dung nền tảng thúc đẩy hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT. Qua đó cho thấy nhà trường cần có sự cải thiện đồng bộ trong việc tạo động viên và công nhận những nỗ lực của GV trong sử dụng CNTT.

#### 2.4.6 Thực trạng quản lý CSVC phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT

Số liệu khảo sát ở bảng 2.5 có thể thấy tổng thể mức độ thực hiện có sự chênh lệch giữa các nội dung với ĐTB nằm trong khoảng từ 3,07 đến 3,24. Điều này cho thấy các trường đã có những nỗ lực đáng kể trong việc đảm bảo CSVC phù hợp và hỗ trợ hiệu quả cho HỖ ĐH. CBQL đánh giá chung quản lý CSVC đạt 3,20, trong khi GV đánh giá ở mức 3,16. Việc “XDKH đầu tư cơ sở vật chất để hỗ trợ việc sử dụng CNTT trong dạy học” có thứ hạng cao nhất, ĐTB của CBQL là 3,26 và của GV là 3,23. Điều này cho thấy các nhà trường quan tâm, đầu tư đến điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học vì đây là một trong những điều kiện cần thiết để CBQL, GV và HS có thể thực hiện tốt hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

#### 2.4.7 Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá việc KTĐG thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT

Từ kết quả khảo sát, nhìn chung các đối tượng đánh giá mức độ KTĐG thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT có sự thống nhất đều đánh giá ở mức độ tinh thoáng thực hiện. Kết quả này phản ánh đúng thực trạng hiện nay của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT, chủ yếu kiểm tra, đánh giá thông qua những kỳ thi, những tiết dạy dự giờ và chưa có quy định cụ thể ứng dụng CNTT trong dạy học.

Trong quá trình đánh giá, mức độ thực hiện các công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT được CBQL và GV đánh giá khá tương đồng. Tuy nhiên, CBQL có ĐTB là 3,44, cao hơn so với ĐTB của GV là 3,36. Điều này cho thấy CBQL thường có cái nhìn toàn diện và chiến lược hơn, dẫn đến việc đánh giá cao hơn về các tiêu chuẩn và quy trình kiểm tra,

đánh giá. Tuy nhiên, cả hai đối tượng đều cần tiếp tục cải thiện mức độ thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả và sự phát triển của quá trình giảng dạy.

### 3. Kết luận

Qua khảo sát tại các trường THPT thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, đa số CBQL và GV đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động này. Tuy nhiên, công tác quản lý vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay do CBQL chưa thường xuyên thực hiện kế hoạch, công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện ứng dụng CNTT chưa được quản lý chặt chẽ, và quá trình kiểm tra, đánh giá vẫn còn mang tính hình thức. Ngoài ra, các yếu tố như chất lượng đội ngũ GV, CSVC và thiết bị dạy học cũng đóng góp vào hạn chế này.

Để giải quyết vấn đề này, có thể đề xuất các biện pháp sau đây: Nâng cao nhận thức về việc QLHD ứng dụng CNTT trong dạy học; Tăng cường hiệu quả lập kế hoạch và tổ chức, chỉ đạo thực hiện ứng dụng CNTT; Đổi mới phương pháp và hình thức quản lý; Xây dựng hạ tầng và trang thiết bị hiện đại; Thường xuyên kiểm tra và đánh giá hoạt động. Những biện pháp này nhằm khắc phục hạn chế và nâng cao chất lượng giáo dục trong thời kỳ công nghệ số.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông theo công văn số 5807/BGDĐT-CNTT*.
2. Nguyễn Thanh Giang (2014). *Quản lý ứng dụng CNTT ở trường THPT vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục.
3. Trần Kiên (Chủ biên) (2004). *Khoa học quản lý - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đào Thái Lai (2007). *Ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam*. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.
5. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2023). *Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28/02/2023 về việc “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*.